

Số: 1071/2019/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 21 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào các điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1027/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trịnh Lý M, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số A Đường số B, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn E, xã G, huyện T, tỉnh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Trịnh Lý M và bà Lê Thị H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2007 ngày 28/9/2007 của Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh V.

[2] Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 17 tháng 7 năm 2019; Biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Trung tâm Hòa giải – Đối thoại; Đơn yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2019, ông Trịnh Lý M và bà Lê Thị H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; Bà H trực tiếp nuôi con chung tên Trịnh Trung H, sinh ngày 13/8/2007; Ông M cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 8 năm 2019; Ông M và bà H không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

[3] Trung tâm Hòa giải, đối thoại tại Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Trịnh Lý M và bà Lê Thị H thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa

thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Lý M và bà Lê Thị H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhân kết hôn số 43, quyển số 01/2007 ngày 28/9/2007 của Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh V hết hiệu lực.

- Về con chung: Bà Lê Thị H là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trịnh Trung H, sinh ngày 13/8/2007. Ông M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, bắt đầu thi hành từ tháng 8 năm 2019.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Ông M và bà H không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông M và bà H phải chịu lệ phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0001341 ngày 13/8/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân xã G,
huyện T, tỉnh V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Châu Thị H Đào